

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chương trình Khuyến công
tỉnh Bình Định đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Văn bản số 45/TTr-SCT ngày 02/6/2017 và Văn bản số 51/TTr-SCT ngày 04/7/2017 và đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 1680/STC-TCHCSN ngày 19/6/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình Khuyến công tỉnh Bình Định đến năm 2020 (gọi tắt là *Chương trình*), với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu của chương trình:

Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

a) Mục tiêu tổng quát:

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động khuyến công; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí để thực hiện các nội dung Chương trình hoạt động khuyến công, đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh.

- Góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế - lao động theo hướng công nghiệp hóa; tạo việc làm, tăng thu nhập; tạo điều kiện cho công nghiệp nông thôn phát triển bền vững trong hội nhập kinh tế quốc tế; góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, góp phần hoàn thiện xây dựng nông thôn mới.

- Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực và tài nguyên; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2020:

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở khu vực nông thôn, tăng kim ngạch xuất khẩu hàng tiêu thủ công nghiệp, tăng mạnh công nghiệp chế biến các sản phẩm nông - lâm - thủy sản; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động ở khu vực nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đến năm 2020, tỷ trọng công nghiệp nông thôn trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp đạt 35 - 40%; kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp các huyện đạt khoảng 20% so với kim ngạch toàn ngành.

- Đến năm 2020, đào tạo được khoảng 130 lao động cho các cơ sở công nghiệp nông thôn; hỗ trợ khoảng 200 lượt học viên tham gia các khóa đào tạo khởi sự doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản lý; hỗ trợ 105 đề án xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến; hỗ trợ 6 lần tổ chức và tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, tỉnh, khu vực; hỗ trợ 4 lượt tham gia trưng bày, giới thiệu thành tựu phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tại các hội chợ triển lãm; hỗ trợ xây dựng 05 phòng trưng bày giới thiệu thành tựu phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn; hỗ trợ 11 cơ sở xây dựng bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy, thương hiệu, thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng 6 cụm công nghiệp; hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường, áp dụng sản xuất sạch hơn cho 2 cơ sở.

- Nâng cao năng lực hoạt động tư vấn phát triển công nghiệp.

- Thông tin tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng về nhận thức lợi ích của việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến các cơ sở sản xuất công nghiệp; tăng số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, áp dụng sản xuất sạch hơn.

- Nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công.

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của chương trình khuyến công:

a) Phạm vi điều chỉnh:

Chương trình gồm các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4, Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công, do Bộ Công Thương và UBND tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện để hỗ trợ phát triển công nghiệp nông thôn thuộc các ngành, nghề quy định tại Điều 5 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP.

Chương trình hỗ trợ các hoạt động sản xuất công nghiệp, sản phẩm công nghiệp đặc trưng và có lợi thế cạnh tranh của tỉnh, sản phẩm truyền thống tiêu biểu nông lâm nghiệp, nông thôn, làng nghề.

b) Đối tượng áp dụng:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ và Điều 3 Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết về đối tượng được hưởng chính sách khuyến khích, hỗ trợ khuyến công:

- Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn, xã và các phường thuộc thành phố Quy Nhơn được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa; hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (*gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn*).

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp thực hiện áp dụng sản xuất sạch hơn không giới hạn về quy mô tổng nguồn vốn hoặc số lao động bình quân hàng năm và địa bàn đầu tư sản xuất.

- Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

3. Nội dung của chương trình:

a) Chương trình đào tạo, truyền nghề, phát triển nghề:

- Tổ chức đào tạo, truyền nghề, phát triển nghề (*gọi chung là đào tạo*) gắn liền với việc sử dụng lao động tại chỗ của các cơ sở công nghiệp nông thôn để tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế - lao động theo hướng công nghiệp hóa; xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, hoàn thành các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới.

- Hỗ trợ đào tạo lao động quản lý, kỹ thuật, thợ giỏi, nghệ nhân để hình thành đội ngũ phục vụ chương trình đào tạo nghề, truyền nghề cho phát triển công nghiệp nông thôn.

- Công tác đào tạo ưu tiên những ngành nghề có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh: Đào tạo nghề giải quyết nhiều việc làm cho lao động trên địa bàn tỉnh; đào tạo lao động cho làng nghề, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ngành nghề ưu tiên, địa bàn khó khăn; đào tạo và phát triển nghề cho các xã được chọn làm điểm xây dựng nông thôn mới.

b) Chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý:

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ làm công tác khuyến công cho đội ngũ cán bộ huyện, thị xã, thành phố và cộng tác viên.

- Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về khởi sự, quản trị doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn; nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khảo sát thị trường.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn giới thiệu các kinh nghiệm quản lý, sản xuất kinh doanh, khoa học công nghệ, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

- Tổ chức, hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia các khóa tập huấn, đào tạo, hội thảo chuyên đề; tham quan, khảo sát thị trường, học tập kinh

Tuấn Anh

nghiệm sản xuất kinh doanh trong nước; áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

- Hỗ trợ đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật về sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp.

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư vào sản xuất công nghiệp và thành lập các doanh nghiệp, hợp tác xã tại nông thôn, địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; thúc đẩy việc chuyển từ các hộ kinh doanh cá thể sang hợp tác xã, doanh nghiệp để có điều kiện mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

c) Chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật:

- Hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn đầu tư xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật mới, sản xuất sản phẩm mới; chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến vào các khâu sản xuất; đồng thời tổ chức trình diễn, giới thiệu, hướng dẫn, làm mẫu cho các tổ chức, cá nhân khác áp dụng, nhân rộng mô hình hay đầu tư vào sản xuất công nghiệp.

- Hỗ trợ tư vấn, đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; xây dựng mô hình tiên tiến, thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn để phổ biến nhân rộng.

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn về sửa chữa, sản xuất máy cơ khí, nông cụ phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp, cơ khí tiêu dùng; chế biến nông - lâm - thủy sản; sản xuất vật liệu xây dựng.

- Hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xử lý ô nhiễm môi trường, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

d) Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu:

- Định kỳ hàng năm tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu theo 02 cấp huyện, tỉnh.

- Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực gắn với Hội chợ Triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu, hàng thủ công mỹ nghệ.

- Tổ chức tham gia gian hàng trưng bày, giới thiệu, quảng bá thành tựu phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn của tỉnh tại các Hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, quốc gia.

- Hỗ trợ sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, quốc gia; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm.

- Hỗ trợ Hội thi chế tác sản phẩm thủ công mỹ nghệ; Chương trình truyền nghề, du nhập nghề, phát triển nghề, phát triển nghề nhân, công nhận nghề nhân.

- Hỗ trợ xây dựng phát triển sản phẩm hợp quy đối với các sản phẩm truyền thống, đặc sản Bình Định.

- Hỗ trợ đầu tư các phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm công nghiệp nông thôn gắn với các hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch.

- Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn mở rộng sản xuất, thị trường, cải tiến mẫu mã, bao bì đóng gói, đăng ký thương hiệu,... để tạo ra những sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có khả năng cạnh tranh thị trường trong nước và xuất khẩu.

d) Chương trình phát triển hoạt động tư vấn:

- Tư vấn hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực có liên quan khuyến công, nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn, làng nghề như: lập dự án đầu tư, marketing; quản trị doanh nghiệp; thành lập doanh nghiệp; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn; áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

- Tư vấn tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư; chính sách đất đai; chính sách khoa học công nghệ; chính sách tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

- Xây dựng và phát triển hoạt động tư vấn khuyến công qua các hình thức điểm tư vấn cố định; tư vấn trực tiếp cho các cơ sở công nghiệp nông thôn; tư vấn qua mạng internet và các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật thực hiện áp dụng sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp.

e) Chương trình thông tin tuyên truyền:

- Cung cấp thông tin về chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công, thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp như: Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh, bản tin, ấn phẩm, xây dựng trung tâm dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tập gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hiệu quả áp dụng sản xuất sạch hơn: Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn về sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; làm phóng sự truyền hình giới thiệu các mô hình áp dụng sản xuất sạch hơn và các hoạt động khác có liên quan đến sản xuất sạch hơn trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về khuyến công, áp dụng sản xuất sạch hơn trên địa bàn tỉnh; mở chuyên mục sản xuất sạch hơn trên Website Sở Công Thương Bình Định, Bản tin Công Thương Bình Định.

g) Chương trình hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường:

- Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; hình thành liên kết vệ tinh sản xuất các mặt hàng công nghiệp hỗ trợ; xây dựng mô hình liên kết giữa cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và thủ công mỹ nghệ với các doanh nghiệp du lịch.

- Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp theo quy hoạch phát triển công nghiệp của địa phương.

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

h) Chương trình hợp tác quốc tế:

- Xây dựng và tham gia thực hiện hoạt động khuyến công, sản xuất sạch hơn trong các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế.

- Trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với các tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công theo các chương trình hợp tác quốc tế và các chương trình, đề án học tập khảo sát ở nước ngoài.

i) Chương trình nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công:

- Hỗ trợ nghiên cứu trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản liên quan nhằm hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách về khuyến công.

- Xây dựng chương trình, tài liệu, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, đội ngũ cộng tác viên làm công tác khuyến công đảm bảo đủ năng lực thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch khuyến công.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công hàng năm, từng giai đoạn, thông qua việc hướng dẫn triển khai, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, đánh giá các chương trình, đề án khuyến công.

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp và hai chi nhánh Trung tâm theo hướng chuyên nghiệp.

- Tổ chức cho các cán bộ quản lý nhà nước, cơ sở công nghiệp nông thôn tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm các mô hình về công tác quản lý và thực hiện các hoạt động khuyến công tại các tỉnh, thành phố trong nước đang hoạt động có hiệu quả.

- Hỗ trợ cán bộ làm công tác khuyến công tham dự các lớp tập huấn nghiệp vụ khuyến công, hội thảo, hội nghị chuyên đề, các hội nghị đánh giá tổng kết hoạt động khuyến công hàng năm, từng giai đoạn.

4. Giải pháp thực hiện chương trình:

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; từng bước xây dựng, củng cố và kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác khuyến công từ tỉnh đến cơ sở; kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí khuyến công đảm bảo đúng mục tiêu, quy định và đạt hiệu quả.

b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các văn bản chính sách khuyến công trên các phương tiện thông tin đại chúng đến với mọi người dân.



c) Phối hợp, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với Kế hoạch khuyến công; tích cực khai thác, tìm kiếm, phối hợp với các tổ chức, cá nhân để huy động các nguồn lực và nguồn vốn hợp pháp ngoài nguồn ngân sách cho hoạt động khuyến công.

d) Kịp thời khen thưởng, động viên, khuyến khích các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác khuyến công và các cơ sở công nghiệp nông thôn sử dụng nhiều lao động.

đ) Hàng năm tiến hành sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc triển khai thực hiện Chương trình khuyến công, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp cụ thể thực hiện kế hoạch cho năm sau.

5. Kinh phí thực hiện chương trình:

a) Nguồn kinh phí:

Kinh phí hỗ trợ thực hiện Chương trình khuyến công tỉnh Bình Định đến năm 2020 là kinh phí sự nghiệp kinh tế thuộc ngân sách địa phương và nguồn kinh phí Khuyến công quốc gia. Ngoài ra, lồng ghép kinh phí các đề án thuộc một số chương trình từ các nguồn chương trình mục tiêu quốc gia, quỹ khoa học công nghệ, quỹ môi trường, dự án sản xuất sạch hơn, dự án giảm thiểu ô nhiễm môi trường ...

Tổng kinh phí Chương trình khuyến công tỉnh Bình Định đến năm 2020 dự kiến **27.251** triệu đồng.

Trong đó:

- Nguồn ngân sách Trung ương : 8.949 triệu đồng

- Nguồn ngân sách địa phương : 18.302 triệu đồng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

b) Quản lý và sử dụng kinh phí:

Hàng năm, căn cứ Chương trình và các quy định hiện hành, Sở Công Thương xây dựng kế hoạch, phối hợp Sở Tài chính lập dự toán kinh phí thực hiện trình UBND nhân dân tỉnh xem xét bố trí kinh phí cho hoạt động khuyến công theo khả năng cân đối của ngân sách tỉnh; đồng thời xây dựng và đề xuất trình Bộ Công Thương xem xét phê duyệt các đề án Khuyến công quốc gia thuộc Chương trình để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Sở Công Thương là đơn vị quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc sử dụng các nguồn kinh phí khuyến công đúng mục đích và có hiệu quả.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Công Thương

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành, điều chỉnh, bổ sung các chính sách của tỉnh có liên quan đến khuyến khích, hỗ trợ hoạt động khuyến công phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Tổ chức thực hiện và hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch, đề án khuyến công hàng năm đảm bảo phù hợp với Chương trình.

- Làm đầu mối phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương hướng dẫn, xử lý những vướng mắc liên quan đến hoạt động khuyến công.

Trần Văn
7

- Tổ chức, hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia triển lãm, quảng bá thương hiệu, sản phẩm tại các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước, trên mạng internet; mở rộng thị trường.

- Chủ trì, phối hợp tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình; thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động khuyến công.

- Định kỳ hàng quý, năm tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh về tình hình triển khai thực hiện Chương trình, kế hoạch khuyến công.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Công Thương đề xuất phân bổ kinh phí từ ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động khuyến công; hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công đạt hiệu quả, thiết thực.

- Phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc thực hiện Chương trình khuyến công và thanh quyết toán kế hoạch, đề án khuyến công hàng năm theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Công Thương trong việc tổ chức các lớp đào tạo nghề theo Chương trình này và theo nhu cầu của doanh nghiệp.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Công Thương chuyển giao cho các cơ sở công nghiệp nông thôn các đề tài, dự án đã nghiên cứu để ứng dụng vào thực tiễn sản xuất nhằm phát huy ngay hiệu quả các đề tài nghiên cứu khoa học tại địa phương.

- Phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn các doanh nghiệp đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp (*gồm nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế/giải pháp hữu ích...*) đối với sản phẩm công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền cơ chế, chính sách khuyến công của Trung ương, của tỉnh đến đối tượng thụ hưởng trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan phổ biến, hướng dẫn, chỉ đạo và giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình khuyến công trên địa bàn.

- Xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách của địa phương để tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch, đề án khuyến công hàng năm theo Chương trình khuyến công đã được phê duyệt.

- Tổ chức và huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu tỉnh, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội với các đề án khuyến công thuộc Chương trình này để triển khai thực hiện tại địa phương mình quản lý.

- Phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nội vụ kiện toàn mạng lưới khuyến công (*bộ máy quản lý, cộng tác viên khuyến công, cơ sở vật chất*) trên địa bàn phù hợp với thực tiễn và yêu cầu của hoạt động khuyến công.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.



Điều 3. Điều khoản thi hành:

1. Giao Giám đốc Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Phan Cao Thắng;
- PVP CN;
- Lưu: VT, K6. *10/6*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Cao Thắng
Phan Cao Thắng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2654 /QĐ-UBND ngày 27 /7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Nội dung Chương trình, đề án	Đơn vị tính	Nội dung Chương trình khuyến công tỉnh Bình Định giai đoạn 2015 - 2020						
			2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng số
I	Chương trình đào tạo, truyền nghề								
1	Lao động được đào tạo mới, đào tạo nâng cao	Lao động	130	-	-	-	-	-	130
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công quốc gia	Lao động	-	-	-	-	-	-	-
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công địa phương	Lao động	130	-	-	-	-	-	130
II	Chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp								
1	Đào tạo khởi sự doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp	Lớp	-	-	-	-	1	1	2
	Số lượng học viên được đào tạo	Học viên	-	-	-	-	50	50	100
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công quốc gia	Lớp	-	-	-	-	1	1	2
2	Nâng cao năng lực quản lý	Lớp	-	-	-	1	-	1	2
	Số lượng học viên được đào tạo nâng cao năng lực quản lý	Học viên	-	-	-	50	-	50	100
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công địa phương	Lớp	-	-	-	1	-	1	2
3	Tổ chức Hội nghị, Hội thảo, Tập huấn kỹ thuật mới về khuyến công, sản xuất sạch hơn	Lần	-	-	-	1	1	2	4
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công quốc gia	Lần	-	-	-	1	-	1	2
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công địa phương	Lần	-	-	-	-	1	1	2
4	Tổ chức tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất trong nước	Đoàn	-	-	-	-	-	1	1
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công quốc gia	Đoàn	-	-	-	-	-	1	1
	Số cơ sở CNNT được hỗ trợ tham gia	Cơ sở	-	-	-	-	-	10	10



Trần Văn...

STT	Nội dung Chương trình, đề án	Đơn vị tính	Nội dung Chương trình khuyến công tỉnh Bình Định giai đoạn 2015 - 2020						
			2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng số
III	Chương trình xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến...								
1	Hỗ trợ xây dựng trình diễn mô hình kỹ thuật	Đề án	-	2	2	2	3	3	12
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công quốc gia	Đề án	-	1	1	1	1	1	5
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công địa phương	Đề án	-	1	1	1	2	2	7
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến	Cơ sở	9	9	15	18	20	22	93
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công quốc gia	Cơ sở	1	1	3	4	5	6	20
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công địa phương	Cơ sở	8	8	12	14	15	16	73
IV	Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu								
1	Bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, tỉnh, khu vực; tổ chức cuộc thi thiết kế, chế tác sản phẩm phục vụ du lịch Bình Định.	Lần	1	2	1	1	-	1	6
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công địa phương	Lần	1	2	1	1	-	1	6
2	Tham gia trưng bày, giới thiệu thành tựu phát triển sản phẩm CNNT của tỉnh tại các hội chợ triển lãm	Lượt	-	2	-	1	-	1	4
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công địa phương	Lượt	-	2	-	1	-	1	4
3	Xây dựng phòng trưng bày giới thiệu quảng bá sản phẩm CNNT	Phòng	-	1	1	1	1	1	5
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công địa phương	Phòng	-	1	1	1	1	1	5
4	Hỗ trợ Cơ sở CNNT xây dựng bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy, thương hiệu	Cơ sở	-	2	1	2	4	2	11
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công quốc gia	Cơ sở	-	-	-	-	2	-	2
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công địa phương	Cơ sở	-	2	1	2	2	2	9
V	Chương trình phát triển hoạt động tư vấn								
1	Tư vấn hỗ trợ lập dự án đầu tư, marketing; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới	Cơ sở	-	-	-	1	1	2	4

STT	Nội dung Chương trình, đề án	Đơn vị tính	Nội dung Chương trình khuyến công tỉnh Bình Định giai đoạn 2015 - 2020						
			2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng số
1	Từ nguồn kinh phí Khuyến công quốc gia	Cơ sở	-	-	-	-	-	2	2
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công địa phương	Cơ sở	-	-	-	1	1	-	2
2	Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật thực hiện áp dụng sản xuất sạch hơn	Cơ sở	-	-	-	2	4	2	8
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công quốc gia	Cơ sở	-	-	-	-	2	-	2
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công địa phương	Cơ sở	-	-	-	2	2	2	6
VI	Chương trình thông tin tuyên truyền								
1	Xây dựng truyền hình khuyến công, sản xuất sạch hơn	Đợt	-	2	2	2	2	2	10
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công quốc gia	Đợt	-	-	-	-	-	-	-
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công địa phương	Đợt	-	2	2	2	2	2	10
VII	Chương trình hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp ...								
1	Hỗ trợ thành lập hiệp hội, ngành nghề, mô hình liên kết sản xuất	Đề án	-	-	-	-	-	1	1
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công địa phương	Đề án	-	-	-	-	-	1	1
2	Lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp; lập dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp	Đề án	2	1	-	1	1	1	6
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công quốc gia	Đề án	2	1	-	1	-	1	5
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công địa phương	Đề án	-	-	-	-	1	-	1
3	Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường, áp dụng sản xuất sạch hơn	Đề án	-	-	-	1	1	-	2
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công quốc gia	Đề án	-	-	-	-	1	-	1
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công địa phương	Đề án	-	-	-	1	-	-	1
VIII	Chương trình nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công								
1	Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc	Lần	1	-	-	1	1	3	6
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công quốc gia	Lần	-	-	-	-	-	2	2
	Từ nguồn kinh phí Khuyến công địa phương	Lần	1	-	-	1	1	1	4

STT	Nội dung Chương trình, đề án	Đơn vị tính	Nội dung Chương trình khuyến công tỉnh Bình Định giai đoạn 2015 - 2020						
			2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng số
2	Tổ chức tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm các mô hình quản lý nhà nước về lĩnh vực khuyến công, sản xuất sạch hơn	Lần	1	-	1	-	-	1	3
	<i>Từ nguồn kinh phí Khuyến công quốc gia</i>	<i>Lần</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
	<i>Từ nguồn kinh phí Khuyến công địa phương</i>	<i>Lần</i>	<i>1</i>	<i>-</i>	<i>1</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1</i>	<i>3</i>
3	Tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác khuyến công, sản xuất sạch hơn	Lần	-	1	-	1	1	2	5
	<i>Từ nguồn kinh phí Khuyến công quốc gia</i>	<i>Lần</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1</i>	<i>-</i>	<i>1</i>	<i>2</i>
	<i>Từ nguồn kinh phí Khuyến công địa phương</i>	<i>Lần</i>	<i>-</i>	<i>1</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	<i>3</i>

Phụ lục 2
TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐẾN NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Chương trình	ĐVT	Dự toán kinh phí Chương trình, đề án khuyến công tỉnh Bình Định thực hiện hàng năm																		Kinh phí thực hiện giai đoạn 2015-2020		
			2015			2016			2017			2018			2019			2020			KCQG	KCĐP	Tổng
			KCQG	KCĐP	Tổng	KCQG	KCĐP	Tổng	KCQG	KCĐP	Tổng	KCQG	KCĐP	Tổng	KCQG	KCĐP	Tổng	KCQG	KCĐP	Tổng			
	Tổng dự toán kinh phí chương trình khuyến công tỉnh Bình Định đến năm 2020	Triệu đồng	539	1.680	2.219	790	2.025	2.815	1.100,0	2.520,0	3.620,0	1.780	3.578	5.358	2.130	4.109	6.239	2.610	4.390	7.000	8.949	18.302	27.251
I	Chương trình đào tạo, truyền nghề	Triệu đồng	-	236	236	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	236	236
1	Đào tạo nghề; truyền nghề; nâng cao tay nghề; du nhập phát triển nghề cho lao động CNNT	Triệu đồng	-	236	236	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	236	236
II	Chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	80	80	160	160	30	190	340	110	450	580	220	800
1	Đào tạo khởi sự doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp	Triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	160	-	160	160	-	160	320	-	320
2	Nâng cao năng lực quản lý	Triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	80	80	-	-	-	-	80	80	-	160	160
3	Tổ chức Hội nghị, Hội thảo, Tập huấn kỹ thuật mới về khuyến công, sản xuất sạch hơn	Triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	80	-	80	-	30	30	80	30	110	160	60	220
4	Tổ chức tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất trong nước	Triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100	-	100	100	-	100
III	Chương trình xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến	Triệu đồng	100	1.125	1.225	550	1.438	1.988	1.100	2.035	3.135	1.300	2.360	3.660	1.500	3.100	4.600	1.700	3.240	4.940	6.250	13.298	19.548
1	Hỗ trợ xây dựng trình diễn mô hình kỹ thuật	Triệu đồng	-	-	-	350	350	700	500	430	930	500	400	900	500	1.000	1.500	500	1.000	1.500	2.350	3.180	5.530
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến	Triệu đồng	100	1.125	1.225	200	1.088	1.288	600	1.605	2.205	800	1.960	2.760	1.000	2.100	3.100	1.200	2.240	3.440	3.900	10.118	14.018
IV	Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu	Triệu đồng	-	146	146	-	425	425	-	262,5	262,5	-	430	430	70	150	220	-	430	430	70	1.844	1.914
1	Bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, tỉnh, khu vực; tổ chức cuộc thi thiết kế, chế tác sản phẩm phục vụ du lịch Bình Định	Triệu đồng	-	146	146	-	203	203	-	152,5	152,5	-	200	200	-	-	-	-	200	200	-	902	902
2	Tổ chức Hội chợ triển lãm hàng CNNT tiêu biểu; Hỗ trợ Cơ sở CNNT tham gia hội chợ triển lãm	Triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Tham gia trưng bày, giới thiệu thành tựu phát triển sản phẩm CNNT của tỉnh tại các hội chợ triển lãm	Triệu đồng	-	-	-	-	77	77	-	-	-	-	80	80	-	-	-	-	80	80	-	237	237

STT	Chương trình	ĐVT	Dự toán kinh phí Chương trình, đề án khuyến công tỉnh Bình Định thực hiện hàng năm																		Kinh phí thực hiện giai đoạn 2015-2020		
			2015			2016			2017			2018			2019			2020					
			KCQG	KCDP	Tổng	KCQG	KCDP	Tổng	KCQG	KCDP	Tổng	KCQG	KCDP	Tổng	KCQG	KCDP	Tổng	KCQG	KCDP	Tổng	KCQG	KCDP	Tổng
4	Xây dựng phòng trưng bày giới thiệu quảng bá sản phẩm CNNT	Triệu đồng	-	-	-	-	75	75	-	80	80	-	80	80	-	80	80	-	80	80	-	395	395
5	Hỗ trợ Cơ sở CNNT xây dựng bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy, thương hiệu	Triệu đồng	-	-	-	-	70	70	-	30	30	-	70	70	70	70	140	-	70	70	70	310	380
V	Chương trình phát triển hoạt động tư vấn	Triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	135	135	100	135	235	70	100	170	170	370	540
1	Tư vấn hỗ trợ lập dự án đầu tư, marketing; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới	Triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	35	35	-	35	35	70	-	70	70	70	140
2	Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật thực hiện áp dụng sản xuất sạch hơn	Triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100	100	100	100	200	-	100	100	100	300	400
VI	Chương trình thông tin tuyên truyền	Triệu đồng	-	-	-	-	60	60	-	60	60	-	80	80	-	80	80	-	100	100	-	380	380
1	Xây dựng chương trình truyền hình trên các phương tiện thông tin đại chúng về Khuyến công và ngành Công Thương	Triệu đồng	-	-	-	-	60	60	-	60	60	-	80	80	-	80	80	-	100	100	-	380	380
VII	Chương trình hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp ...	Triệu đồng	439	-	439	240	-	240	-	-	-	350	300	650	300	350	650	350	55	405	1.679	705	2.384
1	Hỗ trợ thành lập hiệp hội, ngành nghề, mô hình liên kết sản xuất	Triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	55	55	-	55	55
2	Lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp; lập dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp	Triệu đồng	439	-	439	240	-	240	-	-	-	350	-	350	-	350	350	350	-	350	1.379	350	1.729
3	Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường, áp dụng sản xuất sạch hơn	Triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	300	300	-	300	-	-	-	300	300	600
VIII	Chương trình nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công	Triệu đồng	-	105	105	-	21	21	-	61,70	61,70	50	50	100	-	100	100	150	180	330	200	518	718
1	Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc	Triệu đồng	-	45	45	-	-	-	-	-	-	-	50	50	-	50	50	100	50	150	100	195	295
2	Tổ chức tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm các mô hình quản lý nhà nước về lĩnh vực khuyến công, sản xuất sạch hơn	Triệu đồng	-	60	60	-	-	-	-	61,70	61,70	-	-	-	-	-	-	-	80	80	-	202	202
3	Tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác khuyến công, sản xuất sạch hơn	Triệu đồng	-	-	-	-	21	21	-	-	-	50	-	50	-	50	50	50	50	100	100	121	221
IX	Chi phí quản lý triển khai đề án (4%) đối với khuyến công địa phương	Triệu đồng	-	67	67	-	81	81	-	100,8	100,8	-	143	143	-	164	164	-	175	175	-	731	731